

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST

Ngày: 21-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) A; địa chỉ: Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức Q: Ông Hoàng Mạnh L sinh năm 1989, chức vụ: Chuyên viên cao cấp phòng Tổ tụng; ông Nguyễn Trung H sinh năm 1988, chức vụ: Chuyên viên cao cấp phòng Tổ tụng; ông Đỗ Xuân M sinh năm 1995, chức vụ: Chuyên viên phòng Tổ tụng; bà Nguyễn Thị V sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng nhóm Tổ tụng – Phòng tổ tụng. (theo các văn bản ủy quyền số: 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/7/2020; số: 6223/2021/UQ-TGĐ12 ngày 17/9/2021 và số: 3443/2022/GUQ-TGĐ12 ngày 20/5/2022; ông Hoàng Mạnh L có mặt)

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Dương Thị T2, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Anh Dương Văn T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

+ Anh Dương Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

+ Chị Dương Thị T4, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 16 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và hộ kinh doanh Dương Văn T có giao kết Hợp đồng cho vay số: 83/2014/HĐCV, số tiền cho vay là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho hộ kinh doanh Dương Văn T số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) tại Khế ước nhận nợ số: 20082010046533/2014/KUNN ngày 19/5/2014, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 19/5/2014 đến ngày 19/5/2017; lãi suất vay: Theo dư nợ giảm dần tương đương lãi suất theo dư nợ gốc ban đầu là 1,26%/tháng từ ngày 19/5/2014 đến ngày 19/5/2017; mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh; kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: Ngày 19 hàng tháng; số tiền trả nợ gốc và lãi hàng tháng: 7.667.369 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay của hộ kinh doanh Dương Văn T, bà Đồng Thị M đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 317 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 749750, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 87/GL-GL do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Gia Lộc cấp ngày 11/12/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh số 83/GL/BD ngày 16/5/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ kinh doanh Dương Văn T đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết. Ngày 19/10/2014, khoản vay đã chuyển quá hạn do vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để trả nợ nhưng hộ kinh doanh Dương Văn T vẫn vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký.

Đến ngày 21/3/2023, hộ kinh doanh Dương Văn T mới thanh toán được 71.246.073 đồng nợ gốc và 56.065.186 đồng nợ lãi trong hạn và 455.896 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 127.767.155 đồng; số tiền còn nợ Ngân hàng là 461.653.313 đồng, trong đó nợ gốc: 118.753.927 đồng, nợ lãi trong hạn: 240.472.731 đồng, nợ lãi quá hạn: 102.426.655 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc hộ kinh doanh Dương Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 21/3/2023 là

461.653.313 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc: 118.753.927 đồng (một trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn: 240.472.731 đồng (hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), nợ lãi quá hạn: 102.426.655 đồng (một trăm linh hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Kể từ ngày 22/3/2023 còn phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Trong trường hợp hộ kinh doanh Dương Văn T không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng 317 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 749750, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 87/GL-GL do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Gia Lộc cấp cho bà Đồng Thị M vào ngày 11/12/2007 để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì hộ kinh doanh Dương Văn T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn - anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý và triệu tập anh T, chị T1 đến làm việc nhưng anh chị đều vắng mặt không có lý do. Xác minh tại địa phương xác định do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chị cũng bỏ đi nơi khác làm ăn, hiện không biết anh chị đang làm gì ở đâu.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đồng Thị M: Sau khi thụ lý, UBND xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cung cấp bản sao Trích lục khai tử số 496/TLKT-BS ngày 11/7/2022 xác định bà Đồng Thị M đã chết vào ngày 19/01/2021. UBND xã L2, huyện Gia Lộc xác định bà M có bố là ông Đồng Văn D, mẹ là Đặng Thị Đ, có chồng là ông Dương Văn T6; bố mẹ bà M đã chết từ lâu, chồng bà M đã chết vào khoảng năm 2011, bà M có bốn người con gồm: Dương Văn T3, Dương Thị T2, Dương Văn T và Dương Thị T4.

Tại lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Dương Thị T2 trình bày: Chị là con của bà Đồng Thị M và là chị của anh Dương Văn T, là chị chồng của chị Nguyễn Thị T1. Bố mẹ chị là bà Đồng Thị M chết năm 2021 và ông Dương Văn T6 chết năm 2011. Bố mẹ chị có bốn người con gồm anh Dương Văn T3, chị, anh Dương Văn T và chị Dương Thị T4, ngoài ra bố mẹ chị không còn có con riêng, con nuôi, con chung nào khác; ông bà nội ngoại của chị đều đã chết trước bố mẹ chị. Chị xác định thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09 tại thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc là tài sản của bố mẹ chị để lại. Chị có biết việc bà M thế chấp thửa đất này tại Ngân hàng cho anh T, chị T1 vay tiền. Nguyên vọng của chị muốn giữ lại thửa đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ, trong trường hợp phải phát mãi nhà đất trên thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đối với quyền lợi của chị sau khi phát mãi tài sản nhà đất trên chị giao cho em

gái chị là Dương Thị T4 quản lý giúp trong thời gian chị chấp hành án; chị đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa và đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng cho chị thông qua em gái chị là chị Dương Thị T4 nhận giúp.

Tại lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Dương Thị T4 trình bày: Chị là con của bà Đồng Thị M, anh Dương Văn T là anh của chị, chị Nguyễn Thị T1 là vợ anh T. Bố mẹ chị là bà Đồng Thị M, ông Dương Văn T6, ông T6 đã chết năm 2011, bà M chết năm 2021. Bố mẹ chị sinh được bốn người con gồm anh Dương Văn T3, chị Dương Thị T2, anh Dương Văn T và chị, ngoài ra bố mẹ chị không còn có con riêng, con nuôi nào khác; bố mẹ bà M đều đã chết từ lâu, trước thời điểm bà M chết. Chị xác định thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09 tại thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc là tài sản của bà Đồng Thị M. Chị có biết việc bà M thế chấp thửa đất này tại Ngân hàng cho anh T, chị T1 vay tiền. Chị đã nhiều lần trao đổi với vợ chồng anh T, chị T1 để đứng ra giải quyết nhưng anh T, chị T1 đều không có ý kiến gì. Nguyên vọng của chị muốn giữ lại thửa đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ, tuy nhiên điều kiện của gia đình chị cũng như anh T3, chị T2 đều rất khó khăn nên chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho chị được đứng ra thay vợ chồng anh T, chị T1 trả toàn bộ số nợ gốc và xin được giảm toàn bộ số tiền nợ lãi. Chị xác định chị T2 đã ủy quyền cho chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đồng ý nhận thay chị T2 và chị sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho chị T2 nắm được.

Xác minh tại UBND xã L2, huyện Gia Lộc xác định: Anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc. Vợ chồng anh T, chị T1 làm ăn thua lỗ, vay mượn của nhiều người không có khả năng trả nợ nên anh T đã bỏ đi làm ăn xa, còn chị T1 bỏ về quê ở Bắc Giang; địa phương không nắm được địa chỉ cụ thể của anh chị. Bà Đồng Thị M đã chết ngày 19/01/2021 tại Trại giam Xuân Nguyên, bà M có chồng là Dương Văn Tý hiện đã chết, ông bà có bốn người con gồm anh Dương Văn T3, chị Dương Thị T2, anh Dương Văn T và chị Dương Thị T4, ngoài ra ông bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Ngày 11/12/2007, UBND huyện Gia Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 749450 mang tên Đồng Thị M thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09 diện tích 317 m², trên thửa đất này có ngôi nhà hai tầng và công trình phụ kèm theo do bà M xây dựng, từ năm 2007 đến nay thửa đất này vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có sự biến động gì như chuyển nhượng, đổi đất, hiện nay đóng cửa không có ai sử dụng.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/12/2022: Chị Dương Thị T4 và ông Hoàng Mạnh L đều xác định hiện trạng tài sản thẩm định không có biến động gì, vẫn giữ nguyên từ trước đến nay.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị Tâm là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T1 xác định: Chị Nguyễn Thị T1 là con của bà, cách đây gần 10 năm, chị T1 và anh T trực trặc về hôn nhân nên chị T1 có mang một con về nhà bà, nhờ bà chăm sóc để chị T1 đi làm gửi tiền về. Sau đó chị T1 ra Hà Nội làm ăn vài tháng mới về nhà thăm con, gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị T1. Gia đình bà không

biết việc chị T1, anh T vay tiền Ngân hàng TMCP A, bà xác định chị T1 không cư trú tại gia đình bà, gia đình bà không có liên quan nên không nhận các văn bản của Tòa án gửi cho chị T1.

Tại lời khai của chị Nguyễn Thị V là vợ của anh Dương Văn T3 xác định: Chị là vợ của anh Dương Văn T3, anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 là em chồng và em dâu chị. Từ khi mẹ chồng chị là bà Đồng Thị M chết vào năm 2021, chồng chị là anh T3 đã chuyển về sống tại thôn D1, xã L2. Từ đó đến nay anh T3 không về sống cùng với chị, vợ chồng chị không liên lạc gì với nhau, chị không biết anh T3 đang làm gì, ở đâu. Chị xác định vợ chồng chị không có công sức, tài sản gì đối với tài sản trên thửa đất của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 21/3/2023 là 461.653.313 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc: 118.753.927 đồng (một trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn: 240.472.731 đồng (hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), nợ lãi quá hạn: 102.426.655 đồng (một trăm linh hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp bị đơn không trả được đầy đủ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 317 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 749750, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 87/GL-GL do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Gia Lộc cấp cho bà Đồng Thị M vào ngày 11/12/2007 để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì hộ kinh doanh Dương Văn T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Ngân hàng và hộ kinh doanh Dương Văn T đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án dân sự kinh doanh thương mại là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho đương sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đồng Thị M đã chết vào ngày 19/01/2021 trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án nên cần xác định những người trong hàng thừa kế thứ nhất của bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng cho vay số: 83/2014/HĐCV ngày 16/5/2014 và Khế ước nhận nợ số: 20082010046533/2014/KUNN ngày 19/5/2014 giữa Ngân hàng và anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 được lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên; nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với các quy định của Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó có căn cứ xác định giữa hai bên đã ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, theo đúng trình tự thủ tục quy định nên hợp đồng nêu trên là hợp pháp.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 19/5/2014 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ khoản vay 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) cho anh T, chị T1; đến ngày 19/10/2014, anh Dương Văn T đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết, anh T chị T1 mới thanh toán được 71.246.073 đồng tiền nợ gốc, 56.065.186 đồng tiền nợ lãi trong hạn và 455.896 đồng nợ lãi quá hạn. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng anh T, chị T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng cho vay đã ký kết giữa hai bên, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn theo Điều 8 của Hợp đồng cho vay. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh T chị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đều không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về lãi suất: Theo Hợp đồng cho vay số: 83/2014/HĐCV ngày 16/5/2014, Khế ước nhận nợ số: 20082010046533/2014/KUNN ngày 19/5/2014 giữa Ngân hàng và anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 1,26%/tháng (tức 15,12%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8, Điều 10 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hợp đồng tín dụng này không có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay nên lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên.

[6] Đến nay (ngày 21/3/2023), anh T chị T1 mới thanh toán được 71.246.073 đồng nợ gốc, 56.065.186 đồng nợ lãi trong hạn và 455.896 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 127.767.155 đồng; số tiền còn nợ Ngân hàng gồm: Nợ gốc: 118.753.927 đồng, nợ lãi trong hạn: 240.472.731 đồng, nợ lãi quá hạn: 102.426.655 đồng; tổng cộng số tiền còn nợ Ngân hàng là 461.653.313 đồng cần buộc anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền này là phù hợp.

[7] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh số 83/GL/BD ngày 16/5/2014 giữa Ngân hàng và bà Đồng Thị M, anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 được lập bằng văn bản có công chứng, có đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/5/2014 nên hợp đồng này đảm bảo tính pháp lý, do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với các điều 122, 124, 323, 343, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn đã nộp đủ, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; do đó cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp với Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và cần trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 184, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 124, 323, 343, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 21 tháng 3 năm 2023 là: 461.653.313 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc: 118.753.927 đồng (một trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn: 240.472.731 đồng (hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), nợ lãi quá hạn: 102.426.655 đồng (một trăm linh hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2023, anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 83/2014/HĐCV ngày 16/5/2014 và Khế ước nhận nợ số: 20082010046533/2014/KUNN ngày 19/5/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 không thanh toán được đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng 317 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn D1, xã L2, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 749750, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 87/GL-GL do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Gia Lộc cấp cho bà Đồng Thị M vào ngày 11/12/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh số 83/GL/BD ngày 16/5/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà Đồng Thị M, anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số: 83/2014/HĐCV ngày 16/5/2014 và Khế ước nhận nợ số: 20082010046533/2014/KUNN ngày 19/5/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc anh Dương Văn T, chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 22.466.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 9.660.000 đồng (chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2020/0000566 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi